TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Sang.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa****: Bà Triệu Thị Ngân Hà - Kiểm sát viên*.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết V,** sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số Q, Phường K, tp M, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Bà **Lê Thị Thanh L**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số E, ấp P, xã T, Tp M, Tiền Giang.

(Có mặt bà V, vắng mặt bà L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:

Bà và bà Lê Thị Thanh L là chỗ quen biết đã lâu, nên bà tham gia chơi 04 dây hụi do bà L làm chủ hụi. Cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 25 phần, khui ngày 12/9/2018 AL. Bà tham gia chơi 05 phần, đã đóng được 05 kỳ tới ngày 12/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà đã đóng là 25.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 27 phần, khui ngày 12/9/2018 AL. Bà tham gia chơi 05 phần, đã đóng được 05 kỳ tới ngày 12/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà đã đóng là 50.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 38 phần, khui ngày 10/10/2018 AL. Bà tham gia chơi 02 phần, đã đóng được 04 kỳ tới ngày 10/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà đã đóng là 24.000.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 25 phần, khui ngày 12/01/2019 AL. Bà tham gia chơi 01 phần, đã đóng được 01 kỳ thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà đã đóng là 3.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà L còn thiếu bà số tiền 102.000.000 đồng.

Ngoài ra bà còn mua của bà L 02 dây hụi, cụ thể như sau:

- Hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 28 phần, khui ngày 12/9/2018 AL. Bà mua của bà L 02 phần:

01 phần chết x 2.000.000 đồng = 2.000.000 đồng

27 phần sống x 1.250.000 đồng = 33.750.000 đồng

Tổng cộng: 35.750.000 đồng x 02 = 71.500.000 đồng. Bà L có viết biên nhận số tiền 71.500.000 đồng ngày 12/10/2018.

- Hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 38 phần, khui ngày 10/10/2018 AL. Bà mua của bà L 02 phần:

02 phần chết x 3.000.000 đồng = 3.000.000 đồng

36 phần sống x 1.450.000 đồng = 52.200.000 đồng

Tổng cộng: 58.200.000 đồng x 02 = 116.400.000 đồng. Bà L có viết biên nhận số tiền 116.400.000 đồng ngày 15/12/2018.

Tổng cộng 02 lần mua hụi bà L thiếu bà 187.900.000 đồng. Từ khi bể hụi đến nay bà L chưa trả cho bà đồng nào.

Như vậy, tổng cộng tiền hụi và tiền mua hụi bà L còn thiếu bà là 289.900.000 đồng. Bà có nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền như bà L cố tình né tránh.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền 289.900.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/7/2019 bà nộp đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Trước đây, bà có khai dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 12/9/2018 AL, có 25 phần, bà chơi 05 phần, bà đóng được 05 kỳ với số tiền 25.000.000 đồng. Nhưng thực tế bà chỉ đóng 17.700.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 12/9/2018 Al, có 27 phần, bà chơi 05 phần, đóng được 05 kỳ với số tiền 50.000.000 đồng, nhưng thực ra bà chỉ đóng số tiền là 31.600.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 10/10/2018 Al, có 38 phần, bà chơi 02 phần, đóng được 04 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng, nhưng thực ra bà số tiền là 12.630.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 12/01/2019 Al, có 25 phần, bà chơi 01 phần, đóng được 01 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng, nhưng thực ra bà chỉ đóng số tiền là 1.950.000 đồng.

Như vậy, 04 dây hụi bà chỉ đóng tổng cộng số tiền là 63.880.000 đồng. (1)

Ngày 12/10/2018 bà mua hụi của bà L số tiền 71.500.000 đồng. (2)

Ngày 15/12/2018 bà mua hụi của bà L số tiền 116.400.000 đồng. (3)

Tổng cộng (1) + (2) + (3) = 251.780.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà số tiền 251.780.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 12/01/2019 cho đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án, lãi suất tính theo quy định pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thị Thanh L đã được Toà án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Vân.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết V vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị Thanh L trả cho bà số tiền 251.780.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, tính từ ngày 12/01/2019 cho đến khi vụ án được xét xử làm tròn là 08 tháng theo lãi suất quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà Vân là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V căn cứ vào các văn bản hụi, các biên nhận mua hụi để khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thanh L trả số tiền 251.780.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Lê Thị Thanh L, có hộ khẩu thường trú tại Số E, ấp P, xã T, Tp M, Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tại thời điểm xác lập hợp đồng góp hụi, bà L thể hiện nơi cư trú tại số Z, Khu phố B, Phường C, Tp M, tỉnh Tiền Giang, nhưng khi Tòa án tiến hành xác minh được biết bà L không có đăng ký hộ khẩu tường trú tại địa chỉ trên. Ngày 17/5/2019, bà V cung cấp địa chỉ mới của bà L là tại số E, ấp P, xã T, Tp M, Tiền Giang. Căn cứ kết quả xác minh ngày 07/6/2019 tại Công an xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang xác định "Bà Lê Thị Thanh L có hộ khẩu thường trú tại số E, ấp P, xã T, Tp M, Tiền Giang, hiện nay bà L không sinh sống tại địa phương". Như vậy sau khi xác lập hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Thị Tuyết V cho đến nay, bà L không thông báo cho bà V biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do vậy, trường hợp của bà L được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án đã tiến hành tống đạt đối với bà Lê Thị Thanh L đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị Thanh L.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*: Do có quen hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Tuyết V có chơi 04 dây hụi do bà Lê Thị Thanh L là đầu thảo như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, tổng cộng 25 phần, khui ngày 12/9/2018 AL. Bà V tham gia chơi 05 phần, đã đóng được 05 kỳ tới ngày 12/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà V đã đóng là 17.700.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, tổng cộng 27 phần, khui ngày 12/9/2018 AL. Bà V tham gia chơi 05 phần, đã đóng được 05 kỳ tới ngày 12/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà V đã đóng là 31.600.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 38 phần, khui ngày 10/10/2018 AL. Bà V tham gia chơi 02 phần, đã đóng được 04 kỳ tới ngày 10/01/2019 AL thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà V đã đóng là 12.630.000 đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 25 phần, khui ngày 12/01/2019 AL. Bà V tham gia chơi 01 phần, đã đóng được 01 kỳ thì bà L bể hụi, ngưng không đóng tiếp. Tổng cộng số tiền bà V đã đóng là 1.950.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà V đã đóng cho bà L số tiền 63.880.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 12/10/2018 bà L còn thiếu bà V với số tiền 71.500.000 đồng tiền mua hụi.

Ngày 15/12/2018, bà L còn thiếu bà V với số tiền 116.400.000 đồng tiền mua hụi.

Căn cứ vào các văn bản thỏa thuận về dây hụi, các biên nhận mua hụi ngày 12/10/2018 và ngày 15/12/2018 do bà L viết thể hiện ý chí thỏa thuận của

các bên trong giao dịch họ, hụi, biêu, phường được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà Lê Thị Thanh L phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền bà V đã góp, hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà V. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà L không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã nhận, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên nhận mua hụi ngày 12/10/2018 và ngày 15/12/2018, văn bản các kỳ góp hụi, giấy hụi của từng dây hụi có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

[5] *Về yêu cầu tính lãi suất*: Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, bà V không yêu cầu bà L trả tiền lãi. Tuy nhiên, tại đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 08/7/2019, bà V bổ sung yêu cầu tính lãi đối với tổng số tiền 251.780.000 đồng từ ngày 12/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa bà V yêu cầu tính lãi với thời gian làm tròn là 08 tháng. Yêu cầu của bà V được đưa ra trước thời điểm Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Xét thấy, các dây hụi mà các bên tham gia là hụi có lãi phù hợp với quy định tại các Điều 21, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường, nên yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật của bà V là có căn cứ để chấp nhận.

Từ ngày 12/01/2019 đến ngày 19/9/2019 làm tròn là 08 tháng x 20%/năm x 251.780.000 đồng = 33.570.667 đồng.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, 21, 22, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 244; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết V.

Buộc bà Lê Thị Thanh L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền 251.780.000 (*hai trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi ngàn)* đồng và tiền lãi là 33.570.667 (*ba mươi ba triệu năm trăm bảy mươi ngàn sáu*

trăm sáu mươi bảy) đồng. Tổng cộng là 285.350.667 (*hai trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn sáu trăm sáu mươi bảy*) đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh L phải chịu 14.267.533 (*mười bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi ba)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.247.500 (*bảy triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm)* đồng theo biên lai thu tiền số 0014154 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tuyết V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng